

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/HSST
Ngày: 22/4/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH LONG –TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Đức

2. Bà Vũ Thị Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Kim Loan

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B tham gia phiên tòa:

Bà Đỗ Thị Minh Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2020 tại Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2020/TLST- HS ngày 18 tháng 02 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 3 năm 2020 và thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử phiên tòa hình sự sơ thẩm số 05/2020/TB-TA ngày 27/3/2020 đối với bị cáo:

Điều Đ, sinh năm 1994, tại Bình Phước.

Hộ khẩu thường trú: Tổ 2, ấp P, xã L, thị xã B, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm vườn; trình độ văn hoá (học vấn) 03/12; dân tộc: S'tiêng; giới tính: Nam; tôn giáo: Tin lành; quốc tịch: Việt Nam; con ông Điều Th và bà Thị U; bị cáo có 04 anh chị em; Bị cáo có vợ tên Thị M đã ly hôn năm 2019; có 01 con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không. Tại bản án hình sự sơ thẩm số 10/2011/HSST ngày 13/4/2011 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Phước xử phạt Điều Đ 09 tháng tù, cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”, tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, Điều Đ chưa đủ 18 tuổi, căn cứ theo điểm b khoản 1 Điều 107 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thì Điều Đ không có án tích. Thực hiện hành vi trộm cắp tài sản ngày 01/8/2019, ngày 03/12/2019 bị khởi tố, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm: 2002 (Có mặt)

Người đại diện hợp pháp cho Nguyễn Thị Ngọc H là bà Trần Thị T, sinh năm 1965 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 5, ấp 4, xã M, huyện T, Bình Phước.

Người làm chứng:

1. Điều Nh, sinh năm: 2000 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 2, ấp P, xã L, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

2. Nguyễn Thị T, sinh năm: 1975 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện N, tỉnh Bình Phước.

3. Lê Thị Tr, sinh năm: 1976 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện N, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01/8/2019 Điều Đ và Điều Nh cùng 02 người bạn gái mới quen (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) đến thuê 02 phòng tại nhà nghỉ H, thuộc tổ 01, ấp T, xã L, thị xã B. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày Đậm phát hiện có một chiếc xe mô tô biển kiểm soát 93N1-8584 của chị Nguyễn Thị Ngọc H là khách đến thuê phòng đang dựng trong sân nhà nghỉ, chìa khóa có sẵn trên ô khóa công tắc điện, trên xe có một chiếc áo khoác màu đen không có người trông coi nên bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt. Bị cáo nói với bạn về trước còn bị cáo lấy chiếc xe của chị Hân khởi động máy chạy về hướng Lộc Ninh. Khi đi đến cây xăng Linh Thuận thì gặp Điều Nh, bị cáo không cho Những biết là xe chiếm đoạt mà nói là mượn của người quen.

Tại các bản kết luận định giá tài sản số 61/KL-HĐĐGTS ngày 19/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản thị xã B kết luận “ 01 xe mô tô nhãn hiệu Wayxin, màu sơn nâu, biển kiểm soát 93N1- 8584, số máy 50FMG2010928, số khung G5KH9A010928 đã qua sử dụng trị giá 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) và 01 áo khoác bằng vải dù, màu đen đã qua sử dụng trị giá 40.000đ (Bốn mươi nghìn đồng). Tổng tài sản Điều Đ đã chiếm đoạt là: 4.040.000 (Bốn triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng).

Cáo trạng số: 09/CT-VKSBL ngày 17/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã B truy tố Điều Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên Quyết định truy tố như cáo trạng, căn cứ tính chất mức độ phạm tội đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 tuyên phạt bị cáo Điều Đ từ 08 đến 14 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự buộc bị cáo Điều Đ bồi thường cho bị hại số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) là giá trị chiếc xe mô tô bị chiếm đoạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh

tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã B, Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân thị xã B, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố. Xét lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại trong vụ án về thời gian, địa điểm và quá trình thực hiện tội phạm, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã thu thập được.

[3] Hội đồng xét xử đủ cơ sở để kết luận: Ngày 01/8/2019 tại nhà nghỉ H thuộc tổ 1, ấp T, xã L, thị xã B bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wayxin, biển kiểm soát 93N1- 8584 và 01 áo khoác màu đen của chị Nguyễn Thị Ngọc H là khách đến thuê phòng đang dựng trong sân nhà nghỉ. Giá trị tài sản bị cáo Điều Đ chiếm đoạt là 4.040.000đ (Bốn triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng) đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, là người trưởng thành đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện lỗi cố ý trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

[5] Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tại phiên tòa bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[6] Đối với vật chứng của vụ án:

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wayxin, biển kiểm soát 93N1- 8584 sau khi bị cáo chiếm đoạt của bị hại đã đi gặp một người con gái mới quen tại quán cà phê Tình Bạn và kể lại sự việc chiếm đoạt xe. Người này khuyên bị cáo Điều Đ trả lại xe cho bị hại. Lúc này, trong quán có Lê Thị Tr và Nguyễn Thị T là nhân viên bán quán gặp Điều Đ đi chiếc xe có đặc điểm như chiếc xe của bị hại. Hiện không xác minh được người con gái mà Điều Đ giao xe nên không thu hồi được xe để xử lý.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Nguyễn Thị Ngọc H và đại diện hợp pháp cho bị hại bà Trần Thị T chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) là giá trị chiếc xe, không

yêu cầu bồi thường 40.000đ (Bốn mươi nghìn đồng) là giá trị 01 áo khoác bị chiếm đoạt. Xét thấy, yêu cầu trên là có căn cứ nên chấp nhận.

[8] Những vấn đề liên quan:

Đối với số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) bị hại Nguyễn Thị Ngọc H khai báo để trong cốp xe bị chiếm đoạt, tại phiên tòa bị hại và đại diện hợp pháp cho bị hại là bà Trần Thị T không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Kiểm sát viên đề nghị hình phạt tù cho bị cáo Điều Đ là phù hợp, đúng quy định nên chấp nhận.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Điều Đ phạm tội Trộm cắp tài sản.

Xử phạt bị cáo Điều Đ: 09 (chín) tháng tù, tính từ ngày thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585 và khoản 1 Điều 589 Bộ luật dân sự.

Bị cáo Điều Đ bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Ngọc H số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

Án phí: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại và đại diện hợp pháp cho bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- Phòng PV27-Công an T. Bình Phước
- VKSND TX. Bình Long;
- CQ.CSĐT CATX. Bình Long;
- Chi cục THADS TX. Bình Long;
- Bị cáo và đương sự;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Đức